

Bản án số: 18/2023/KDTM-ST

Ngày: 22/9/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Miến;

Bà Nguyễn Thị Mai;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Lưu Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Thành phố H tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 19/2022/TLST-KDTM ngày 24/11/2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXX-KDTM ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

Địa chỉ: Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Quang – Tổng giám đốc ngân hàng quản lý tín dụng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Phương Thảo, ông Hoàng Mạnh L, bà Nguyễn Thị Việt – chuyên viên phòng tố tụng và mua bán nợ (theo Giấy ủy quyền số 7119/2022/GUQ – TGDD ngày 26/9/2022). Bà Thảo có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V

Địa chỉ: Đường 84, xã K, huyện T, TP H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang L – Chủ tịch HĐQT (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Quang L, S năm 1987; (người thừa kế của ông T)
 2. Bà Nguyễn Thị H1, S năm 1994; vắng mặt
 3. Ông Đỗ Quang T, S năm 1963 (đã chết);
 4. Bà Lê Thị H1, S năm 1964;(người thừa kế của ông T) vắng mặt
 5. Ông Đỗ Văn Tuyên, S năm 1975; có mặt
 6. Bà Nguyễn Thị Bích Liên, S năm 1981; vắng mặt
 7. Ông Đỗ Văn Tiên, S năm 1933; (người thừa kế của ông T) vắng mặt
 8. Anh Đỗ Quang Vũ, S năm 1989; (người thừa kế của ông T) vắng mặt
 9. Anh Đỗ Quang Ba, S năm 1991; (người thừa kế của ông T) vắng mặt
 10. Đỗ Thị Thanh Tâm, S năm 2002; (con anh Tuyên) vắng mặt
 11. Đỗ Văn Tài, S năm 2007 (con anh Tuyên) vắng mặt
- Đều trú tại: Thôn Kim Trung (Thôn 9 cũ), xã K, huyện T, Thành phố H;
12. Bà Nguyễn Thị Hoàn, S năm 1951; vắng mặt
 13. Ông Nguyễn Văn Đ, S năm 1973; có mặt
 14. Bà Phan Thị Bảy, S năm 1976; có mặt
 15. Anh Nguyễn Văn Bảo, S năm 1995; vắng mặt
 16. Anh Nguyễn Văn Đường, S năm 1998; vắng mặt
 17. Chị Nguyễn Thị Yên, S năm 2002; vắng mặt
- Đều trú tại: Thôn Đông, xã H, huyện T, thành phố H;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đỗ Quang L: Luật sư Đào Trung Kiên – Công ty Luật TNHH Công Lý Toàn Dân; Địa chỉ: Tòa 29T1 Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố H. Có mặt.

Người làm chứng: Bà Phan Thị S, S năm 1971; vắng mặt;

Trú tại: Thôn Vĩnh Lộc, xã Phùng Xá, huyện T, TP H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông – Chi nhánh Thăng L (Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông sát nhập vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) theo Quyết định số 1391/QĐ-NHNN ngày 21/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) và Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ V (sau đây gọi tắt là “công ty V”) có giao kết Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 01/2013/HĐTD-MDB ngày 28/02/2013 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01-01/2013/PL-HĐTD, ngày 07/8/2013 với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), với thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28/02/2014, thời hạn vay cho từng thời hạn nhận nợ tối đa không quá 6 tháng kể từ

thời điểm nhận nợ, lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của MDB tại từng thời điểm nhận nợ tính trên dư nợ thực tế. MDB có quyền điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát S nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi từ ngày thứ 4 đến ngày thanh toán, số tiền phạt bằng 0,04% số tiền lãi trả chậm x số ngày trả chậm. Tối thiểu 5000 đồng/lần. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, Phương thức trả nợ: Trả vào ngày đáo hạn hoặc trước hạn, phương thức trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 269, tờ bản đồ số 12, diện tích 153m²; tại địa chỉ: Thôn Đông, xã H, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 557151, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00145/QSD/188/Ttr-TN&MT do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 02/3/2012 đứng tên bà Phan Thị S – Đăng ký sang tên ông Đỗ Quang L ngày 10/4/2012 theo HĐCC số 307/2012/HĐCN và đăng ký VPĐKQSDĐ theo HĐ số 7 ngày 06/4/2012). Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 275.2013/HĐTC, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2013 và Phụ lục sửa đổi lần 1, số công chứng 2279.2013/PLSĐHĐ; quyền số 13/ TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/12/2013, tại Văn phòng công chứng Gia khánh, thành phố H. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 109, tờ bản đồ số 08, diện tích 784m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S223357, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00456/QSDĐ/1804/QĐ-UB do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 16/12/2002 đứng tên hộ ông Đỗ Quang T. Ngày 03/3/2011 đã đính chính thông tin chủ sử dụng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Quang T theo đơn đề nghị đính chính đã được UBND xã K xác nhận ngày 24/02/2011. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 276.2013/HĐTC, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2013, tại Văn phòng công chứng Gia khánh, thành phố H. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 10, tờ bản đồ số 12, diện tích 592m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S 223170, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00665/QSDĐ/1804/QĐ-UB do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 16/12/2002 đứng tên hộ ông Đỗ Văn Tuyền). Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 1309.2013/HĐTC, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/07/2013, tại Văn phòng công chứng Gia khánh, thành phố H. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết dẫn đến khoản vay bị quá hạn kéo dài.

Tạm tính đến ngày 22/9/2023 tổng dư nợ của Công ty V là :

- + Nợ gốc: 2.998.826.293 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 97.417.106 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 7.308.322.070 đồng;
- + Tổng là 10.404.565.469 đồng;

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc Công ty V trả ngay cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam toàn bộ số nợ gốc, lãi vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 01/2013/HĐTD-MDB ngày 28/02/2013 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01-01/2013/PL-HĐTD, ngày 07/8/2013 và các Khế ước nhận nợ đã ký, tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/9/2023 là 10.404.565.469 VND (Bằng chữ: mười tỷ bốn trăm không bốn triệu năm trăm sáu mươi năm nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng); trong đó: Nợ gốc: 2.998.826.293 đồng; nợ lãi trong hạn: 97.417.103 đồng; lãi quá hạn: 7.308.322.070 đồng;

2. Kể từ ngày 23/9/2023, Công ty V còn phải chịu lãi suất phát S trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng, hạn mức ngắn hạn và Phụ lục Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

3. Trong trường hợp Công ty V không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, bên bảo đảm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo Hợp đồng thế chấp đã ký thì Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho MSB, là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 109, tờ bản đồ số 08, diện tích 784m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 269, tờ bản đồ số 12, diện tích 153m²; tại địa chỉ: Thôn Đông, xã H, huyện T, thành phố H

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 10, tờ bản đồ số 12, diện tích 592m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty V thì Công ty V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho MSB.

*** Ông Đỗ Quang L (đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có QLVLQ) trình bày:** Vào năm 2013, Công ty V có vay của Ngân hàng Mê Công (MDB) một khoản tiền là 2.998.826.293 đồng. Cuối năm 2013 thì Công ty gặp hỏa hoạn, cháy hết toàn bộ kho hàng máy móc, toàn bộ hồ sơ, chứng từ, sổ sách công nợ đều bị cháy hết nên công nợ của công ty không đòi được, công ty lâm vào tình trạng khó khăn dẫn đến phá sản. Do vậy, Công ty đồng ý trả Ngân hàng số nợ gốc và 1.000.000.000 đồng tiền lãi để giải chấp toàn bộ 3 tài sản mà bên thứ ba đã thế chấp cho Ngân hàng.

* **Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:** Năm 2012, gia đình ông có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên ông đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 269, tờ bản đồ số 12; địa chỉ: Thôn Đông, xã H, huyện T, Thành phố H cho bà Phan Thị S (là chị gái vợ ông) để nhờ bà S vay tiền giúp. Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà S đã đưa cho vợ chồng ông 350.000.000 đồng.

Đến năm 2014, ông mới biết bà S đã làm thủ tục sang tên thửa đất cho ông Đỗ Quang L để nhờ ông L vay hộ tiền. Việc vợ chồng ông chuyển nhượng thửa đất cho bà S cũng như việc bà S sang tên chuyển nhượng thửa đất cho ông L mục đích để vay tiền chứ không phải chuyển nhượng nên không có việc bàn giao tiền và giao đất. Gia đình ông vẫn quản lý sử dụng nhà đất. Việc ông L thế chấp nhà đất cho ngân hàng ông không biết đến khi bà S chuyển khoản nợ của ông cho ông L thì ông mới biết ông L đang đứng tên thửa đất của gia đình ông và đang thế chấp cho Ngân hàng Hàng Hải. Nay ông đề nghị Ngân hàng cho ông trả nợ gốc, xin lãi để giải chấp thửa đất của gia đình ông.

* **Bà Phan Thị S trình bày:** Năm 2012, vợ chồng ông Đ có nhu cầu vay vốn nên ông Đ đã chuyển nhượng cho bà quyền sở hữu diện tích 153m², sau đó bà đem sổ đỏ cho ông L là giám đốc công ty V để vay số tiền 350.000.000 đồng, bà đã làm thủ tục sang tên cho ông L và ông L đã cho bà vay số tiền 350.000.000 đồng, quá trình sử dụng vốn bà đã trả lãi cho ông L đến năm 2013, từ năm 2014 thì không đóng được lãi. Bà thừa nhận còn nợ ông L 350.000.000 đồng tiền gốc và lãi kể từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông Đ được trả số nợ gốc và xin miễn toàn bộ lãi và xin rút tài sản. Việc ông L vay ngân hàng bà không biết.

* **Ông Đỗ Văn Tuyên trình bày:** Năm 2013 ông có cho cháu ruột là Đỗ Quang L mượn sổ đỏ để vay vốn Ngân hàng. Ngày 21/7/2013 vợ chồng ông có ký Hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 10 tờ bản đồ số 12, diện tích 592m² tại thôn Kim Trung, xã K, huyện T, TP H. Ông có bàn giao cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 223170 do UBND huyện T cấp ngày 16/12/2022 đứng tên hộ ông Đỗ Văn Tuyên. Số tiền ông bảo lãnh cho khoản vay của anh L là 400.000.000 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện ông đề nghị Ngân hàng cho trả nợ gốc với số tiền bảo lãnh 400.000.000 đồng để giải chấp tài sản.

* **Bà Nguyễn Thị Bích Liên trình bày tại bản tự khai:** Khoảng năm 2013 gia đình bà có cho Công ty V mượn tài sản là quyền sử dụng đất của gia đình bà để vay vốn của Ngân hàng Hàng Hải, Nay Công ty V không trả được bà đề nghị Ngân hàng cho gia đình bà trả nợ gốc để rút tài sản về.

* **Chị Nguyễn Thị H1 trình bày tại bản tự khai:** Năm 2013, vợ chồng chị có thế chấp mảnh đất tại Thôn Đông, xã H, huyện T, TP H để đảm bảo cho khoản vay của Công ty V. Do sự cố hỏa hoạn nên Công ty cháy hết tài sản, nhà xưởng, máy móc nên gặp nhiều khó khăn không có tiền trả cho Ngân hàng. Chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty V trả nợ gốc của khoản vay đã thế chấp tài sản tại Thôn Đông, xã H và miễn lãi để giải chấp tài sản. Do điều kiện công việc chị đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Đỗ Quang L: Ông Đỗ Quang L là người đại diện theo pháp luật của Công ty V đồng thời là bên thế chấp. Năm 2013, Công ty V có vay tiền của Ngân hàng Hàng Hải, do công ty gặp thiên tai hỏa hoạn nên không có khả năng thanh toán. Đề nghị Ngân hàng mien toàn bộ khoản tiền lãi cho công ty V, tạo điều kiện cho các chủ tài sản được giải chấp tài sản thế chấp. Hiện nay tài sản đảm bảo cho khoản vay của công ty V có nhiều phức tạp, tài sản có nhiều người S sống, Một trong 3 tài sản thế chấp là thửa đất đứng tên vợ chồng ông L. Tuy nhiên, thực tế thửa đất vẫn do gia đình anh Đ (chủ cũ) sử dụng, thực chất giữa gia đình ông Đ, bà S, ông L không có việc mua bán chuyển nhượng đất, gia đình anh Đ chỉ nhờ bà S (chị gái vợ anh Đ), anh L vay tiền hộ. Tuy nhiên, mục đích các bên làm hợp đồng chuyển nhượng để thế chấp vay tiền của Ngân hàng và gia đình anh Đ cũng sử dụng tiền vay nên không có ý kiến gì về HĐTC. Căn cứ vào tình hình thực tế của công ty V và tính phức tạp của tài sản thế chấp, đề nghị Ngân hàng tạo thuận lợi cho các bên được trả nợ gốc để rút tài sản thế chấp và đề nghị Hội đồng xét xử xác định rõ nghĩa vụ của từng tài sản thế chấp để tạo điều kiện cho các chủ tài sản được rút tài sản thế chấp.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Về việc chấp hành luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì giữa Ngân hàng TMCP phát triển Mê Kông với Công ty V có giao kết Hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ. Theo đó Ngân hàng có cho Công ty V vay số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Nên nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty V trả nợ là có căn cứ.

Theo 03 Hợp đồng thế chấp tài sản do Ngân hàng cung cấp thì các chủ tài sản đã thế chấp tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty V ; việc thế chấp được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả nợ.

Áp dụng các Điều 299, 319, 323, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nợ toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi, lãi suất phát S như nguyên đơn đã yêu cầu. Trường hợp

bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ;

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/11/2022, Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại số 19/2022/TLST-KDTM, giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB), bị đơn là Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V, Công ty có trụ sở tại xã K, huyện T, Thành phố H và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với Công ty V. Quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, Theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là tranh chấp phát S trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Đối những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần 2, nên việc xét xử vụ án vắng mặt họ là phù hợp Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả gốc, lãi:

Quá trình giải quyết vụ án các bên thừa nhận có giao kết hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 01/2013/HĐTD-MDB ngày 28/02/2013 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01-01/2013/PL-HĐTD, ngày 07/8/2013, Khế ước nhận nợ số 01/01-KU ngày 28/02/2013, Khế ước nhận nợ số 01/02-KU ngày 07/3/2013, Khế ước nhận nợ số 01/03-KU ngày 07/8/2013 với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), với thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28/02/2014, thời hạn vay cho từng thời hạn nhận nợ tối đa không quá 6 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của MDB tại từng thời điểm nhận nợ tính trên dư nợ thực tế. MDB có quyền điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát S nợ quá hạn. Phạt chậm trả lãi từ ngày thứ 4 đến ngày thanh toán, số tiền phạt bằng 0,04% số tiền lãi trả chậm x số ngày trả chậm. Tối thiểu 5000 đồng/lần. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, Phương thức trả nợ: Trả vào ngày đáo hạn hoặc trước hạn, phương thức trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

Về nội dung của hợp đồng tín dụng các bên đều thừa nhận và không có tranh chấp, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không phải chứng minh.

Về việc thực hiện thỏa thuận tín dụng, bên vay là Công ty V đã được Ngân hàng giải ngân cho vay tổng số tiền **3.000.000.000** đồng; Công ty V đã trả

cho Ngân hàng tổng số tiền là: **145.889.935** đồng, bao gồm gốc là: **1.173.707** đồng, lãi trong hạn là: **144.716.228** đồng;

Xét tính pháp lý của các thỏa thuận tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực pháp luật thi hành. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực và làm phát S quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký và ngày bên vay nhận số tiền vay, các bên tham gia giao kết phải tuân thủ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng thỏa thuận đã ký kết.

Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông sát nhập vào Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) theo Quyết định số 1391/QĐ-NHNN ngày 21/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. nên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam được kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (không trả đủ nợ gốc và lãi). Vì vậy, MSB khởi kiện yêu cầu Công ty V trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Theo bảng tính lãi do phía Ngân hàng cung cấp thì tính đến hết ngày 22/9/2023 Công ty V còn nợ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền là: **10.404.565.469** đồng; trong đó: Nợ gốc: **2.998.826.293** đồng; nợ lãi trong hạn **97.417.106** đồng; nợ lãi quá hạn: **7.308.322.070** đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc điều chỉnh lãi suất theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Do vậy, buộc Công ty V trả Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền trên là có căn cứ.

Công ty V tiếp tục phải trả lãi phát S cho Ngân hàng kể từ ngày 23/9/2023 theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 01/2013/HĐTD-MDB ngày 28/02/2013 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01-01/2013/PL-HĐTD, ngày 07/8/2013, Khế ước nhận nợ số 01/01-KU' ngày 28/02/2013, Khế ước nhận nợ số 01/02-KU' ngày 07/3/2013, Khế ước nhận nợ số 01/03-KU' ngày 07/8/2013.

[2.2.] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 275.2013/HĐTC, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2013 và Phụ lục sửa đổi lần 1, số công chứng 2279.2013/PLSĐHĐ; quyền số 13/ TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/12/2013, tại Văn phòng công chứng Gia khánh, thành phố H. Ông Đỗ Quang L và bà Nguyễn Thị H1 đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng tài sản thuộc sở hữu của mình là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 269, tờ bản đồ số 12, diện tích 153m²; tại địa chỉ: Thôn Đông, xã H, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 557151, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00145/QSD/188/Ttr-TN&MT do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 02/3/2012 đứng tên bà Phan Thị S – Đăng ký sang tên ông Đỗ Quang L ngày 10/4/2012 theo HĐCC số 307/2012/HĐCN và đăng ký VPĐKQSDĐ theo HĐ số 7 ngày 06/4/2012).

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 276.2013/HĐTC, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2013, tại Văn phòng công chứng Gia khánh, thành phố H, thì ông Đỗ Quang T và bà Lê Thị H1 đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng tài sản thuộc sở hữu của mình là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 109, tờ bản đồ số 08, diện tích 784m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S223357, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00456/QSĐĐ/1804/QĐ-UB do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 16/12/2002 đứng tên hộ ông Đỗ Quang T. Ngày 03/3/2011 đã đính chính thông tin chủ sử dụng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Quang T theo đơn đề nghị đính chính đã được UBND xã K xác nhận ngày 24/02/2011.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 1309.2013/HĐTC, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/07/2013, tại Văn phòng công chứng Gia khánh, thành phố H, ông Đỗ Văn Tuyền và bà Nguyễn Thị Bích Liên đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng tài sản thuộc sở hữu của mình là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 10, tờ bản đồ số 12, diện tích 592m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S 223170, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00665/QSĐĐ/1804/QĐ-UB do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 16/12/2002 đứng tên hộ ông Đỗ Văn Tuyền.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận có thế chấp tài sản cho Ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty V với Ngân hàng và không có ý kiến gì về Hợp đồng thế chấp. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Gia Khánh, Thành phố H đồng thời bên thế chấp cũng đã làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, Thành phố H.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các bên thế chấp với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, nội dung thỏa thuận phù hợp Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005, điểm c, khoản 1 Điều 10 và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký kết và đăng ký giao dịch bảo đảm. Các bên không có phản đối hay có ý kiến gì khác; Tại Điều 5 của các Hợp đồng thế chấp tài sản các bên thỏa thuận là Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của bên vay. Nay Công ty V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng MSB yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng pháp luật, được Tòa án chấp nhận.

Về nghĩa vụ bảo lãnh của từng tài sản xét thấy: Theo Hợp đồng tín dụng thì tổng số tiền Công ty V vay của Ngân hàng MSB là 3.000.000.000 đồng.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 275.2013/HĐTC, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2013 và Phụ lục sửa đổi lần 1, số công chứng 2279.2013/PLSĐHD; quyền số 13/ TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/12/2013 thì số tiền Ngân hàng cho vay đối với tài sản là quyền sử dụng

thửa đất số 269, tờ bản đồ số 12, diện tích 153m²; tại địa chỉ: Thôn Đông, xã H, huyện T, thành phố H (của vợ chồng anh Đỗ Quang L) là 682.500.000 đồng/3.000.000.000 đồng = 22%.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 276.2013/HĐTC, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2013, thì số tiền Ngân hàng cho vay đối với tài sản của là thửa số 109, tờ bản đồ số 08, diện tích 784m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H (của hộ ông Đỗ Quang T) là 1.942.500.000 đồng/3.000.000.000 đồng = 64,7%.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 1309.2013/HĐTC, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/07/2013, thì số tiền Ngân hàng cho vay đối với tài sản của là thửa số 109, tờ bản đồ số 08, diện tích 784m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H (của ông Đỗ Quang Tuyền) là 400.000.000 đồng/3.000.000.000 đồng = 13,3%.

Công ty V hiện còn nợ Ngân hàng 10.404.565.469 đồng; trong đó: Nợ gốc: 2.998.826.293 đồng; nợ lãi trong hạn 97.417.103 đồng; nợ lãi quá hạn: 7.308.322.070 đồng. Nên nghĩa vụ bảo lãnh của từng tài sản cụ thể như sau:

1. Đối với tài sản của ông Đỗ Quang L phải chịu: tổng số 2.289.004.402 đồng; trong đó: Gốc: 659.741.784 đồng; lãi trong hạn: 21.431.763 đồng; lãi quá hạn: 1.607.830.855 đồng và lãi phát S.

2. Đối với tài sản của hộ ông Đỗ Quang T phải chịu: 6.731.753.859 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.940.240.612 đồng; nợ lãi trong hạn: 63.028.868 đồng; nợ lãi quá hạn: 4.728.484.379 đồng và lãi phát S.

3. Đối với tài sản của ông Đỗ Quang Tuyền phải chịu: Tổng số: 1.383.807.208 đồng; trong đó: Nợ gốc: 398.843.897 đồng; nợ lãi trong hạn: 12.956.475 đồng; nợ lãi quá hạn: 972.006.836 đồng và lãi phát S.

[3] Về án phí: Công ty V phải chịu án Kinh doanh thương mại sơ thẩm là **118.404.600** đồng (*một trăm mười tám triệu bốn trăm L bốn nghìn sáu trăm đồng*). MSB được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí tố tụng: MSB tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng đã nộp tại Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Điều 30, 35, 39, 95; Điều 146; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 343, 351, 355, 422, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) đối với Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V.

2. Buộc Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V phải trả Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 01/2013/HĐTD-MDB ngày 28/02/2013 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01-01/2013/PL-HĐTD, ngày 07/8/2013, Khế ước nhận nợ số 01/01-KU ngày 28/02/2013, Khế ước nhận nợ số 01/02-KU ngày 07/3/2013, Khế ước nhận nợ số 01/03-KU ngày 07/8/2013, tính đến ngày 22/9/2023 là:

- + Nợ gốc: 2.998.826.293 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 97.417.106 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 7.308.322.070 đồng;
- + Tổng là 10.404.565.469 đồng;

(Mười tỷ, bốn trăm không bốn triệu, năm trăm sáu mươi năm nghìn, bốn trăm sáu mươi chín đồng)

3. Kể từ ngày 23/9/2023, Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát S đối với số tiền nợ gốc còn nợ, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 01/2013/HĐTD-MDB ngày 28/02/2013 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01-01/2013/PL-HĐTD, ngày 07/8/2013, Khế ước nhận nợ số 01/03-KU ngày 07/8/2013 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

4. Về xử lý tài sản thế chấp:

4.1. Trường hợp Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản đã thế chấp gồm.

4.1. 1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 269, tờ bản đồ số 12, diện tích 153m²; tại địa chỉ: Thôn Đông, xã H, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 557151, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00145/QSD/188/Tr-TN&MT do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 02/3/2012 đứng tên bà Phan Thị S – Đăng ký sang tên ông Đỗ Quang L ngày 10/4/2012 theo HĐCC số 307/2012/HĐCN và đăng ký VPĐKQSDĐ theo HĐ số 7 ngày 06/4/2012). Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 275.2013/HĐTC, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2013 và Phụ lục sửa đổi lần 1, số công chứng 2279.2013/PLSĐHĐ; quyền số 13/ TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/12/2013, tại Văn

phòng công chứng Gia khánh, thành phố H. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Nghĩa vụ bảo lãnh số tiền là: 2.289.004.402 đồng; trong đó: Góc: 659.741.784 đồng; lãi trong hạn: 21.431.763 đồng; lãi quá hạn: 1.607.830.855 đồng và lãi phát S.

4.1.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 109, tờ bản đồ số 08, diện tích 784m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S223357, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00456/QSDD/1804/QĐ-UB do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 16/12/2002 đứng tên hộ ông Đỗ Quang T. Ngày 03/3/2011 đã đính chính thông tin chủ sử dụng quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Quang T theo đơn đề nghị đính chính đã được UBND xã K xác nhận ngày 24/02/2011. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 276.2013/HĐTC, quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2013, tại Văn phòng công chứng Gia khánh, thành phố H. Tài sản bảo đảm trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Nghĩa vụ bảo lãnh số tiền là: 6.731.753.859 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.940.240.612 đồng; nợ lãi trong hạn: 63.028.868 đồng; nợ lãi quá hạn: 4.728.484.379 đồng và lãi phát S.

4.1.3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 10, tờ bản đồ số 12, diện tích 592m²; tại địa chỉ: Thôn Kim Trung, xã K, huyện T, thành phố H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S 223170, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00665/QSDD/1804/QĐ-UB do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 16/12/2002 đứng tên hộ ông Đỗ Văn Tuyền). Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, số công chứng 1309.2013/HĐTC, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/07/2013, tại Văn phòng công chứng Gia khánh, thành phố H. Nghĩa vụ bảo lãnh số tiền là: 1.383.807.208 đồng; trong đó: Nợ gốc: 398.843.897 đồng; nợ lãi trong hạn: 12.956.475 đồng; nợ lãi quá hạn: 972.006.836 đồng và lãi phát S.

4.2. Số tiền thu được từ việc phát mại 03 tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V thì Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V còn phải tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam cho đến khi thanh toán xong.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

5.1. Buộc Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ V phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là **118.404.600 đồng** (*một trăm mười tám triệu bốn trăm L bốn nghìn sáu trăm đồng*).

5.2. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam số tiền đã nộp tạm ứng án phí là **58.829.000 đồng** (*Năm mươi tám triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2020/0025637 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

5.3. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (đã nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHN; VKSNDTPHN;
- VKSND, THA huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thủy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDTPHN; VKSNDTPHN;
- VKSND, THA huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn